【 HẠNG MỤC TUYỂN SINH 】

HỌC VIỆN NHẬT NGỮ QUỐC TẾ REIWA

REIWA INTERNATIONAL INSTITUTE OF JAPANESE LANGUAGE

Số bưu điện 210-0023 Kanagawaken Kawasakishi Kawasakiku Ogawacho 10-5

TEL: 044－246－5573

FAX: 044－246－5606

URL: www.reiwanippon.ac.jp

MSN: ngothuytrang306@gmail.com

Các kỳ nhập học	Đăng ký hồ sơ	Báo cáo kết quả
Kỳ tháng 4(Khóa 2 năm)	Tháng 9 ～ cuối tháng 10 năm trước	Khoảng cuối tháng 2
Kỳ tháng 7(Khóa 1 năm 9 tháng)	Tháng 1 ～ cuối tháng 2 cùng năm	Khoảng cuối tháng 5
Kỳ tháng 10(Khóa 1 năm 6 tháng)	Tháng 4 ～ trung tuần tháng 5 cùng năm	Khoảng cuối tháng 8
Kỳ tháng 1(Khóa 1 năm 3 tháng)	Tháng 7 ～ cuối tháng 8 năm trước	Khoảng đầu tháng 11

Học phí (Đã bao gồm thuế)	Phí dự thi	Phí nhập học	Phí thiết bị	Phí giảng dạy	Tổng (Đơn vị: Yên)	Nămđầu	Kỳ tháng 1 (1 năm 3 tháng)	Kỳ tháng 10 (1 năm 6 tháng)	Kỳ tháng 7 (1 năm 9 tháng)	Kỳ tháng 4 (2 năm)	Ghi chú
1～12カ月	¥22,000	¥55,000	¥76,800	¥706,200	¥860,000	¥860,000					★Học phí đã đóng sẽ không được hoàn trả lại. Vì vậy, hãy xem xét một cách kỹ lưỡng trước khi nộp đơn ★Tài liệu giảng dạy sẽ được bán theo giá niêm yết (giá miễn thuế) dành cho học sinh học đúp và học sinh ngắn hạn
13～15カ月	–	–	¥19,200	¥176,550	¥195,750	¥1,055,750					
13～18カ月	–	–	¥38,400	¥353,100	¥391,500	¥1,251,500					
13～21カ月	–	–	¥57,600	¥529,650	¥587,250	¥1,447,250					★Hãy chụp X-quang ngực và xét nghiệm máu
13～24カ月	–	–	¥76,800	¥706,200	¥783,000	¥1,643,000					

			Hồ sơ (Giấy tờ cần thiết)	Cần (O)	Bản dịch	Hạng mục chú ý ※Cần chuẩn bị nộp hồ sơ trước 3 tháng (Ngoại trừ bằng tốt nghiệp gốc, bảng điểm gốc)
Dành cho học sinh		1	6 ảnh (4cm×3cm)	O	–	Ảnh chụp trong vòng 3 tháng trước khi nộp hồ sơ (ảnh không chỉnh sửa)
		2	I: Bản gốc bằng tốt nghiệp (cấp học cuối)	O	O	Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên, hoặc các cấp học tương đương
			II: Giấy chứng nhận đang học hoặc chuẩn bị tốt nghiệp	O	O	Đối với học sinh đang đi học (chưa tốt nghiệp)
		3	Bản gốc Học bạ (Bảng điểm)	O	O	Học bạ, Bảng điểm của từng kỳ học
		4	Giấy chứng nhận khóa học tiếng Nhật	O	O	Ghi các nội dung: thời gian học, giờ học (trên 200 giờ) v...v..
		5	Các giấy tờ xác minh của bản thân (nếu có)	O	O	Giấy chứng nhận đang làm việc..v..v…
		6	Hộ chiếu (bản sao)	O	–	Trang có ảnh, trang có dấu nhập cảnh Nhật Bản (nếu có)
		7	Công chứng các giấy tờ chứng minh quan hệ nhân thân	O	O	Giấy khai sinh, Sổ hộ khẩu, Chứng minh thư (Photo công chứng theo khổ giấy A4)
		8 (FORM cố định Hình thức)	Ⅰ: Đơn xin nhập học	O	–	Mẫu của nhà trường (hãy điền thông tin vào, sau đó in ra và ký tên bằng tay)
			Ⅱ: Sơ yếu lý lịch	O	–	Nhập chính xác tên trường và tên công ty (nếu có). Nội dung được nhập trong các mẫu quy định Ⅰ ～Ⅳphải thống nhất với tất cả các tài liệu nộp. ※ Nếu có khoảng thời gian trống từ 6 tháng trở lên, hãy giải thích trong lý do du học
			Ⅲ: Lý do du học	O	O	Nhập chi tiết lý do du học và kế hoạch sau khi tốt nghiệp trường tiếng Nhật. Nghề nghiệp nên chọn một lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành hoặc nghề nghiệp bạn đã học
			Ⅳ: Giấy cam kết của người bảo lãnh	O	O	Ký và ghi rõ họ tên của người bảo lãnh
Dành cho người bảo lãnh tài chính	Người bảo lãnh sống tại Việt Nam	9	Giấy xác nhận số dư ngân hàng và bản sao sổ tiết kiệm	O	O	Do ngân hàng phát hành (số tiền gửi phải có từ 500,000,000 vnđ ~ 650,000,000)
		10	Giấy xác nhận công tác	O	O	Có đóng dấu của công ty hoặc Ủy Ban Nhân Dân
		11	Giấy xác nhận thu nhập và đóng thuế	O	O	Ghi thu nhập của 3 năm gần nhất (Có đóng dấu của công ty hoặc Ủy Ban Nhân Dân)
		12	Bản sao có công chứng giấy phép kinh doanh	O	O	Trong trường hợp người bảo lãnh có công ty kinh doanh cá nhân (hộ kinh doanh gia đình)
	Người bảo lãnh sống tại Nhật	13	Giấy xác nhận số dư ngân hàng	O	Do ngân hàng phát hành (số tiền gửi phải có từ 1,5 triệu yên trở lên)(残高証明書)	
		14	Giấy xác nhận lưu trú	O	Photo thẻ ngoại kiều 2 mặt （在留カード）, 住民票	
		15	Giấy xác nhận công tác	O	Có đóng dấu của công ty(在職証明書)	
		16	Giấy chứng nhận nộp thuế và thuế	O	Có ghi thu nhập của 1 năm gần nhất（課税証明書、納税証明書）	
		17	Bản sao các giấy đăng ký pháp nhân	O	Khi người bảo lãnh là giám đốc của doanh nghiệp	
		18	Các loại giấy phép kinh doanh	O	Khi người bảo lãnh là chủ sở hữu kinh doanh cá nhân	